

Bản án số: 13/2022/DS-ST
Ngày 23 - 6 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Y Pep Êban;

Ông Nguyễn Hồng Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà H Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST- DS ngày 26 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị Ngọc H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn 13, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Phùng Hữu D, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn 13, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là bà Mai Thị Ngọc H trình bày:

Vào ngày 07/02/2017 bà H (nguyên đơn) cho bà Nguyễn Thị D (bị đơn) vay 500 kg hạt tiêu khô, bà D hẹn đến mùa thu hoạch tiêu tức là vào tháng 03/2018 sẽ trả cho bà H thành 600 kg hạt tiêu khô (gồm 500 kg gốc và 100 kg lãi), việc vay mượn giữa hai bên có lập giấy tờ với nhau, bà H dùng mẫu giấy vay tiền lập hợp đồng vay rồi đưa cho bà D

ký. Khi đến hạn trả nợ thì bà D có trả được cho bà H 100 kg hạt tiêu lãi, và còn nợ lại 500 kg hạt tiêu gốc nên bà H xóa ngày 07/02/2017 và viết lại thành ngày 01/4/2018, đồng thời viết thêm nội dung “*Đến ngày 30 tháng 12 năm 2019 trả 600 kg*” bằng mực đỏ vào trong hợp đồng mà bà H và bà D đã lập ngày 07/02/2017. Tuy nhiên, khi đến hạn bà D vẫn không trả được cho bà H số hạt tiêu khô nào.

Ngày 02/10/2019 bà H cho bà D vay 675 kg hạt tiêu khô, bà D hẹn đến mùa thu hoạch tiêu tức vào tháng 3 năm 2020 trả sẽ trả thành 740 kg hạt tiêu khô, (gồm 675 kg hạt tiêu gốc và 65 kg hạt tiêu lãi). Việc vay mượn giữa hai bên có lập giấy tờ với nhau, bà H dùng mẫu giấy vay tiền lập hợp đồng vay rồi đưa cho bà D ký, sau đó bà H có viết thêm phiếu chi ngày 02/10/2019 đưa cho bà D cầm về nhà cho ông Phùng Hữu D là chồng bà D ký rồi đưa lại cho bà H. Tuy nhiên, khi đến hạn bà D vẫn không trả được cho bà H số hạt tiêu nào.

Tiếp đến, ngày 11/6/2020 bà H cho bà D vay 1650 kg hạt cà phê nhân với lãi suất là 330 kg, bà D hẹn đến tháng 12 năm 2020 trả thành 1980 kg hạt cà phê nhân xô. Việc vay mượn giữa hai bên có lập giấy tờ với nhau, bà H dùng mẫu giấy vay tiền lập hợp đồng vay rồi đưa cho bà D ký, do sử dụng mẫu giấy vay tiền của năm 2019 nên bà H sửa năm 2019 thành năm 2020. Tuy nhiên, khi đến hạn bà D vẫn không trả được cho bà H số hạt cà phê nhân xô nào.

Trong các lần vay trên thì chỉ có bà D và bà H trực tiếp giao dịch với nhau mà không có ông D chồng bà H tham gia, bà D không có thể chấp hoặc cầm cố tài sản gì cho bà H để làm biện pháp bảo đảm trả nợ. Tổng số hạt tiêu khô và cà phê nhân xô mà bà D nợ của bà H là 1340 kg hạt tiêu khô và 1980 kg hạt cà phê nhân xô. Mặc dù, bà H đã đi đòi nhiều lần nhưng vợ chồng bà D không trả. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông D và bà D phải có nghĩa vụ trả cho bà H số lượng hạt tiêu khô hạt và cà phê nhân xô như trên, nếu không có tiêu và cà phê thì bà H yêu cầu trả bằng tiền theo giá tiêu và cà phê nhân xô tại thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với việc ông Phùng Hữu D và bà Nguyễn Thị D cho rằng vào tháng 6 năm 2021, giữa bà H với bà D có chốt nợ với nhau, tổng số tiền bà D nợ bà H là 123.300.000 đồng và bà H đã đồng ý cho bà D trả dần số nợ này, sau đó vào tháng 02 năm 2022 ông D có trả được cho bà H 10.000.000 đồng là không đúng. Vì số tiền 10.000.000 đồng này là ông D trả nợ tiền phân bón mua của bà H, không liên quan gì đến số nợ hạt tiêu khô và cà phê nhân xô mà bà H đang khởi kiện.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị D bày:

Bà D xác nhận chữ ký và chữ viết “ Nguyễn Thị D” trong các giấy vay tiêu và cà phê nhân xô do bà H xuất trình làm căn cứ khởi kiện do bà D ký và viết ra. Đồng thời, bà D cũng thừa nhận có vay số lượng hạt tiêu khô và cà phê nhân xô của Hà đúng như phần

trình bày của bà H. Số lượng hạt tiêu khô và cà phê trên bà D vay của bà H là để bán lấy tiền, một phần phục vụ nhu cầu chi tiêu sinh hoạt gia đình và một phần bà D dùng vào việc chi tiêu cá nhân. Nay bà H khởi kiện yêu cầu cả vợ chồng bà D có nghĩa vụ trả cho bà H 1340 kg hạt tiêu khô và 1980 kg cà phê nhân xô thì bà D sẽ có nghĩa vụ trả nợ cho bà H, còn chồng bà D là ông D không liên quan đến số nợ này nên không có nghĩa vụ trả nợ cho bà H. Nhưng vì điều kiện kinh tế gia đình của bà D đang gặp khó khăn vì bị vỡ nợ nên bà D xin được trả dần số nợ trên cho bà H.

Vào tháng 6 năm 2021 bà D bị vỡ nợ nên bỏ nhà đi thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân được khoảng 02 tháng thì bà H có gọi điện thoại cho bà D về và hai bên chốt nợ với nhau, tính đến tháng 6 năm 2021 bà D còn nợ của bà H gồm: 600 kg hạt tiêu khô vay năm 2017 x 45.000.000 đồng/kg = 27.000.000 đồng; 740 kg hạt tiêu khô vay năm 2021 x 45 đồng/kg = 33.300.000 đồng; 1.500 kg cà phê nhân xô x 32.000.đồng/kg = 48.000.000 đồng và tiền phân bón bà D mua năm 2021 là 15.000.000 đồng. Tổng cộng là 123.300.000 đồng, bà H đã đồng ý cho bà D trả dần số tiền này và không tính lãi, sau đó đến tháng 02 năm 2022 ông D chồng bà D có trả được cho bà H 10.000.000 đồng nhưng không biết lý do gì mà bà H làm đơn khởi kiện vợ chồng bà D.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Phùng Hữu D trình bày:

Việc bà D vay tiêu và cà phê nhân xô của bà H vào thời gian nào và cụ thể ra sao thì ông D ông không được biết, ông D cũng không trực tiếp giao dịch với bà H. Vào tháng 6 năm 2021 bà D bỏ nhà đi đâu thì ông D không biết, sau đó bà H với nhiều người khác đến đòi nợ thì ông D mới biết bà D có vay tiêu và cà phê của bà H. Ông D có gọi điện thoại cho bà D về để làm rõ nợ nần thì bà D có về nhà. Sau đó bà D và bà H có tính toán chốt nợ lại với nhau, tổng cộng bà D nợ bà H số tiền là 123.300.000 đồng và bà H đồng ý cho bà D trả dần số nợ này, vào tháng 02 năm 2022 ông D có trả được cho bà H 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó bà H làm đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án tại tòa án theo các giấy tờ tài liệu do bà H cung cấp và lời khai của bà D thì xác định được bà D còn nợ của bà H 1340 kg hạt tiêu khô và 1980 kg cà phê nhân xô, số nợ này bà D vay về có một phần để chi tiêu phục vụ cuộc sống của gia đình và một phần bà D dùng vào việc mua sắm các nhân nên ông D sẽ có trách nhiệm cùng với bà D để trả nợ cho bà H, nhưng do hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên ông D và bà D xin được trả dần số nợ này.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 27, 29, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông D và bà D có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà H 1340 kg tiêu khô và 1980 kg cà phê nhân xô được quy ra tiền với giá tại thời điểm xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền: Nguyên đơn bà Mai Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Phùng Hữu D và bà Nguyễn Thị D trả 1340 kg hạt tiêu khô và 1980 kg cà phê nhân xô đã vay của bà H nên quan hệ pháp luật của vụ án là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ tại thôn 13, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý và xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào các giấy vay tiêu và cà phê nhân xô do nguyên đơn cung cấp, lời khai của nguyên đơn và bị đơn, thấy rằng: Vào ngày 07/02/2017 bà H cho bà Nguyễn Thị D vay 500 kg hạt tiêu khô, bà D hẹn đến tháng 03/2018 sẽ trả cho nguyên đơn 600 kg hạt tiêu khô (gồm 500 kg gốc và 100 kg lãi). Khi đến hạn trả nợ thì bà D mới trả được cho bà H 100 kg hạt tiêu lãi và còn nợ lại 500 kg hạt tiêu gốc, đồng thời bà D hẹn đến ngày 30 tháng 12 năm 2019 trả thành 600 kg nhưng khi đến hạn bà D không thực hiện đúng nghĩa vụ với bà H. Tiếp đến ngày 02/10/2019 bà H cho bà D vay 675 kg hạt tiêu khô, bà D hẹn đến tháng 3 năm 2020 trả sẽ trả thành 740 kg hạt tiêu khô, gồm 675 kg hạt tiêu gốc và 65 kg hạt tiêu lãi nhưng khi đến hạn bà D vẫn không trả được cho bà H số hạt tiêu nào. Ngày 11/6/2020 bà H cho bà D vay 1650 kg hạt cà phê nhân xô với lãi suất là 330 kg, bà D hẹn đến tháng 12 năm 2020 trả thành 1980 kg hạt cà phê nhân xô nhưng khi đến hạn bà D vẫn không trả được cho bà H số cà phê nhân xô nào. Vì vậy, có căn cứ xác định bà D còn nợ của bà H 1340 kg hạt tiêu khô và 1980 kg cà phê nhân xô.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Mặc dù ông D chồng bà D không biết và không tham gia vào giao dịch vay tiêu và cà phê của vợ mình là bà D, nhưng theo lời khai của bà D xác nhận mục đích vay tiêu và cà phê của bà H về là để bán lấy tiền phục vụ nhu cầu chi tiêu sinh hoạt gia đình (bút lục số 35-36, 56-57), là nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2022 (bút lục số 37) ông D cũng xác nhận sẽ cùng với bà D trả nợ cho bà H. Vì vậy, căn cứ vào Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình cần buộc ông Phùng Hữu D và bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà H.

[4] Tại biên bản xác minh ngày 22/6/2022 của Tòa án, giá 01 kg hạt tiêu khô tại thị trường địa phương ở thời điểm hiện tại có giá 72.000 đồng/kg. Vậy số lượng hạt tiêu khô quy đổi ra thành tiền là $1340 \text{ kg} \times 72.000 \text{ đồng/kg} = 96.480.000 \text{ đồng}$; giá 01 kg cà phê nhân xô tại thị trường địa phương ở thời điểm hiện tại có giá 44.000 đồng/kg nên số

lượng hạt cà phê nhân xô quy đổi thành tiền là $1980 \text{ kg} \times 44.000 \text{ đồng/kg} = 87.120.000 \text{ đồng}$.

[5] Từ những phân tích và nhận định như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Ngọc H, buộc ông Phùng Hữu D và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị Ngọc H số lượng hạt tiêu khô là 1340 kg, trị giá 96.480.000 đồng và 1980 kg hạt cà phê nhân xô, trị giá 87.120.000 đồng. Tổng cộng là 183.600.000 đồng.

[6] Bị đơn cho rằng vào tháng 6 năm 2021, giữa bà H với bà D có chót nợ với nhau, tổng số tiền bà D nợ bà H là 123.300.000 đồng và bà H đồng ý cho bà D trả dần số nợ này, sau đó vào tháng 02 năm 2022 ông D có trả được cho bà H 10.000.000 đồng nhưng không được nguyên đơn thừa nhận. Đồng thời, bị đơn cũng không xuất trình được chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến của bị đơn.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá gạch theo quy định của pháp luật, với mức: $183.600.000 \times 5\% = 9.180.000 \text{ đồng}$. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Ngọc H.

1. Buộc ông Phùng Hữu D và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Mai Thị Ngọc H 1340 kg hạt tiêu khô trị giá 96.480.000 đồng đồng và 1980 kg hạt cà phê nhân xô trị giá là 87.120.000 đồng. Tổng cộng là 183.600.000 đồng (*Một trăm, tám mươi ba triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Ông Phùng Hữu D và bà Nguyễn Thị D phải chịu 9.180.000 đồng (*Chín triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Mai Thị Ngọc H không phải chịu án phí và được trả lại 4.834.750 đồng (*Bốn triệu, tám trăm ba mươi tư nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 60AA/2021/0002131 ngày 25/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quốc Định

